

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG HỢP

QUÝ 1 NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.707.023.689.006	1.702.660.813.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.150.861.161	63.529.729.130
1. Tiền	111	1	13.150.861.161	63.529.729.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.210.917.044.504	1.169.266.795.776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	635.549.766.126	655.815.639.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	183.543.260.685	144.836.411.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	191.160.905.630	197.660.905.630
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	311.075.624.030	281.888.227.120
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(111.462.684.968)	(111.462.684.968)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.050.173.001	528.296.215
IV. Hàng hoá tồn kho	140	8	437.956.882.305	435.239.351.145
1. Hàng hoá tồn kho	141		459.685.611.957	457.199.357.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.728.729.652)	(21.960.006.303)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.998.901.036	34.624.937.594
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.580.338.422	1.364.108.675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.210.793.599	33.045.825.965
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	17	207.769.015	215.002.954
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.107.511.127.845	2.046.275.491.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		417.354.829.116	409.726.487.027
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	6.780.000.000	6.780.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	410.574.829.116	402.946.487.027
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		735.252.650.720	759.369.304.703
1. TSCĐ hữu hình	221	10	731.578.450.644	723.545.054.427
- Nguyên giá	222		1.228.535.093.229	1.187.418.520.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496.956.642.585)	(463.873.465.970)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	11	3.674.200.076	35.824.250.276
- Nguyên giá	225		5.634.308.358	47.123.451.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.960.108.282)	(11.299.201.604)



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		158.000.000	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	13.752.210.087	13.872.843.510
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(723.800.538)	(603.167.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	235.524.990.828	160.330.109.627
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		235.524.990.828	160.330.109.627
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	698.916.374.516	698.731.658.408
1. Đầu tư vào công ty con	251		312.781.059.444	312.781.059.444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		347.507.303.462	347.322.587.354
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		117.948.165.199	117.948.165.199
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(79.320.153.589)	(79.320.153.589)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.710.072.578	4.245.088.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.710.072.578	4.245.088.131
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.814.534.816.851	3.748.936.305.051
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.553.082.620.055	2.433.401.387.975
I. Nợ ngắn hạn	310		1.333.595.681.686	1.205.789.350.500
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	360.976.971.470	369.035.042.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	24.168.789.750	30.611.810.843
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	17	5.772.264.806	8.617.801.633
4. Phải trả cho người lao động	314	18	55.860.704.018	83.917.942.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.016.678.899	1.613.888.665
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiến độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		263.142.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	72.012.641.708	23.890.421.778
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	806.179.589.717	685.921.831.324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		344.899.318	2.180.611.318
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.219.486.938.369	1.227.612.037.475
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		13.419.213.503	14.208.579.002
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	6.826.000.000	6.826.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.199.241.724.866	1.206.577.458.473
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.261.452.196.796	1.315.534.917.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.261.452.196.796	1.315.534.917.076
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

03/03/2019
 CÔNG PH
 1/19

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		293.991.397.568	293.991.397.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		201.586.713.227	255.669.433.507
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		162.946.736.307	22.628.084.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.639.976.920	233.041.348.746
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.814.534.816.851	3.748.936.305.051

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

15/1 9 20 17/1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 1 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 1		Lũy kế đến quý báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	3	4
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	606.475.254.135	650.700.063.559	606.475.254.135	650.700.063.559
2 - Các khoản giảm trừ	02		-	26.434.174	-	26.434.174
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10= 01-03)	10	VI.2	606.475.254.135	650.673.629.385	606.475.254.135	650.673.629.385
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	542.003.868.636	583.527.916.016	542.003.868.636	583.527.916.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.471.385.499	67.145.713.369	64.471.385.499	67.145.713.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	38.976.279.458	36.644.889.899	38.976.279.458	36.644.889.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.570.388.633	20.916.425.273	18.570.388.633	20.916.425.273
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.020.597.007</i>	<i>21.965.847.940</i>	<i>18.020.597.007</i>	<i>21.965.847.940</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	18.245.733.516	18.702.199.364	18.245.733.516	18.702.199.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	27.864.874.773	25.685.392.339	27.864.874.773	25.685.392.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		38.766.668.035	38.486.586.292	38.766.668.035	38.486.586.292
11. Thu nhập khác	31	VI.8	14.291.953	357.177.700	14.291.953	357.177.700
12. Chi phí khác	32	VI.9	140.983.068	26.989.475	140.983.068	26.989.475
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(126.691.115)	330.188.225	(126.691.115)	330.188.225
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		38.639.976.920	38.816.774.517	38.639.976.920	38.816.774.517
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		38.639.976.920	38.816.774.517	38.639.976.920	38.816.774.517
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q1/2017	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		619.423.139.720	619.423.139.720	861.315.939.543
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(541.034.243.864)	(541.034.243.864)	(669.403.930.990)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(72.692.848.768)	(72.692.848.768)	(72.994.972.050)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(8.057.145.544)	(8.057.145.544)	(19.874.819.564)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.277.882.881	1.277.882.881	24.471.598.747
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.046.501.078)	(14.046.501.078)	(36.357.299.132)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.129.716.653)	(15.129.716.653)	87.156.516.554
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(112.040.898.998)	(112.040.898.998)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.500.000.000	6.500.000.000	9.293.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.729.425.649)	(7.729.425.649)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.000.000.000	5.000.000.000	56.000.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.814.885.060	7.814.885.060	14.293.042.644
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(100.455.439.587)	(100.455.439.587)	79.586.042.644
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		564.017.284.435	564.017.284.435	622.276.781.359
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(451.433.918.471)	(451.433.918.471)	(720.772.387.612)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.215.863.510)	(48.215.863.510)	(41.924.023.840)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.367.502.454	64.367.502.454	(140.419.630.093)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(51.217.653.786)	(51.217.653.786)	26.322.929.105
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	63.529.729.130	63.529.729.130	93.849.745.916
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		838.785.817	838.785.817	(543.307.585)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.150.861.161	13.150.861.161	119.629.367.436

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán bông, xơ, sợi dệt, hàng may mặc;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.625.602.636	1.152.861.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.525.258.525	62.376.868.062
Cộng	13.150.861.161	63.529.729.130

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	312.781.059.444	(38.726.151.209)	312.781.059.444	(38.726.151.209)
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.530.712.643	-	121.530.712.643	-
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	23.530.320.091	(23.530.320.091)	23.530.320.091	(23.530.320.091)
Công ty TNHH Linen Supply Services	19.098.000.000	(15.195.831.118)	19.098.000.000	(15.195.831.118)
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	105.750.000.000	-	105.750.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	347.507.303.462	(35.349.293.272)	347.322.587.354	(35.349.293.272)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	-	50.632.741.945	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	12.171.270.094	(971.270.095)	12.171.270.094	(971.270.095)
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	-	6.615.800.129	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(25.655.700.608)	144.586.200.608	(25.655.700.608)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(873.202.569)	7.299.200.000	(873.202.569)
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân	18.994.120.000	(2.849.120.000)	18.994.120.000	(2.849.120.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.948.165.199	(3.910.077.858)	117.948.165.199	(3.910.077.858)
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(412.689.373)	5.852.355.319	(412.689.373)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
	2.984.184.383	(340.239.134)	2.984.184.383	(340.239.134)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá				
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	(63.840.180)	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam				
	14.093.555.469	-	14.093.555.469	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú				
Cộng	778.236.528.105	(79.320.153.589)	778.051.811.997	(79.320.153.589)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	79.320.153.589
Hoàn nhập dự phòng trong năm	
Trích bổ sung	
Số cuối năm/kỳ	79.320.153.589

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	410.641.551.289	372.279.265.307
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45.984.313.851	45.984.313.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	82.816.718.623	71.239.135.962
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	68.002.892.184	67.867.351.724
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	39.192.208.346	38.981.604.810
Công ty cổ phần dệt may Đông Nam	-	217.250.875
Công ty TNHH Coast Phong Phú	92.814.691.271	83.849.547.695
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại Phong Phú	13.585.122.631	10.266.070.298
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	63.110.289.852	48.092.908.649
Công ty TNHH Linen Supply Services	2.455.671.892	3.001.411.260
Công ty cổ phần may Gia Phúc	2.679.642.639	2.779.670.183
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	224.908.214.837	283.536.374.622
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	25.631.233.364	77.737.998.287
Các khách hàng khác	199.276.981.473	205.798.376.335
Cộng	635.549.766.126	655.815.639.929

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>90.608.914.736</i>	<i>90.608.914.736</i>
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	88.000.000.000	88.000.000.000
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>92.934.345.949</i>	<i>54.227.497.114</i>
Các nhà cung cấp khác	92.934.345.949	54.227.497.114
Cộng	<u>183.543.260.685</u>	<u>144.836.411.850</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>191.160.905.630</i>	<i>191.160.905.630</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	68.300.000.000	68.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45360.905.630	45360.905.630
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>		<i>6.500.000.000</i>
Cộng	<u>191.160.905.630</u>	<u>197.660.905.630</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>6.780.000.000</i>	<i>6.780.000.000</i>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.980.000.000	1.980.000.000
Cộng	<u>6.780.000.000</u>	<u>6.780.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>226.478.004.058</i>	<i>(7.649.146.264)</i>	<i>193.111.852.107</i>	<i>(7.649.146.264)</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang – Tiền lãi vay	2.022.124.792	-	2.022.124.792	-
Công ty cổ phần Xúc tiến thương mại và Đầu tư Phong Phú - Cổ tức được chia			184.716.108	
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Lợi nhuận được chia	104.600.000.000	-	74.600.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú – Lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	71.823.494.446	-	71.823.494.446	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay	19.965.451.386	(7.192.390.137)	18.408.826.385	(7.192.390.137)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	6.988.025.086		6.988.025.086	
Công ty cổ phần dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	20.116.756.668	-	18.162.256.666	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	962.151.680	(456.756.127)	922.408.624	(456.756.127)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.597.619.972	(4.542.551.090)	88.776.375.013	(4.542.551.090)
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	38.655.996.716	-	43.655.996.716	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	45.941.623.256	(4.542.551.090)	45.120.378.297	(4.542.551.090)
Cộng	311.075.624.030	(12.191.697.354)	281.888.227.120	(12.191.697.354)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	409.597.914.484	-	401.868.488.835	-
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	121.014.446.276	-	113.285.020.627	-
- Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	-	25.102.773.208	-
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Ký quỹ dài hạn	976.914.632	-	1.077.998.192	-
Cộng	410.574.829.116	-	402.946.487.027	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	109.945.087.984	7.721.869.110	109.945.087.984	7.721.869.110
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	91.345.219.481	-	91.345.219.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	16.233.232.949	6.629.034.440	16.233.232.949	6.629.034.440
Công ty TNHH Linen Supply	1.690.768.596	873.723.839	1.690.768.596	873.723.839
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	675.866.958	219.110.831	675.866.958	219.110.831
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.637.605.785	1.398.139.691	10.637.605.785	1.398.139.691
Cộng	120.582.693.769	9.120.008.801	120.582.693.769	9.120.008.801

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	111.462.684.968
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối quý	111.462.684.968

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	53.287.028.903	(5.951.966.990)	51.137.583.628	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	-	-	8.672.369	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	250.543.892.195	-	255.465.229.725	-
Thành phẩm	138.342.511.060	(15.776.762.662)	132.372.405.412	(15.994.426.236)
Hàng hóa	2.791.950	-	25.568.663	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	17.509.387.849	-	18.189.897.651	-
Cộng	459.685.611.957	(21.728.729.652)	457.199.357.448	(21.960.006.303)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	21.960.006.303
Hoàn nhập dự phòng	(231.276.651)
Số cuối quý	21.728.729.652

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quảng cáo	381.818.183	
Chi phí sửa chữa	446.355.000	341.908.675
Chi phí thuê	1.557.018.930	1.022.200.000
Chi phí khác	195.146.309	
Cộng	<u>2.580.338.422</u>	<u>1.364.108.675</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.599.072.578	1.866.588.131
Chi phí khác	5.111.000.000	2.378.500.000
Cộng	<u>6.710.072.578</u>	<u>4.245.088.131</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	251.160.887.134	908.317.874.775	25.338.686.345	2.601.072.143	1.187.418.520.397
Mua trong năm					-
Đầu tư XDCB hoàn thành					-
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		41.531.760.832			41.531.760.832
Thanh lý, nhượng bán		(415.188.000)			(415.188.000)
Giảm khác (*)					-
Số cuối quý	<u>251.160.887.134</u>	<u>949.434.447.607</u>	<u>25.338.686.345</u>	<u>2.601.072.143</u>	<u>1.228.535.093.229</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	95.127.200.027	349.155.324.936	17.246.705.997	2.344.235.010	463.873.465.970
Khấu hao trong năm	2.317.610.710	19.958.133.945	734.371.319	42.574.596	23.052.690.570
Thanh lý, nhượng bán		(281.734.698)			(281.734.698)
Tăng do chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		10.312.220.743			10.312.220.743
Số cuối quý	<u>97.444.810.737</u>	<u>379.143.944.926</u>	<u>17.981.077.316</u>	<u>2.386.809.606</u>	<u>496.956.642.585</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	156.033.687.107	559.162.549.839	8.091.980.348	256.837.133	723.545.054.427
Số cuối quý	<u>153.716.076.397</u>	<u>570.290.502.681</u>	<u>7.357.609.029</u>	<u>214.262.537</u>	<u>731.578.450.644</u>

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	47.123.451.880	11.299.201.604	35.824.250.276
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm		973.127.421	
Giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	(41.489.143.522)	(10.312.220.743)	
Số cuối quý	<u>5.634.308.358</u>	<u>1.960.108.282</u>	<u>3.674.200.076</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	158.000.000	158.000.000	
Khấu hao trong năm			
Số cuối quý	158.000.000	158.000.000	-

13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	603.167.115	13.872.843.510
Khấu hao trong năm		120.633.423	
Số cuối quý	14.476.010.625	723.800.538	13.752.210.087

Bất động sản đầu tư là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	7.117.129.746	5.829.043.039
Xây dựng cơ bản dở dang	222.437.676.926	149.087.285.572
Sửa chữa văn phòng	5.970.184.156	5.413.781.016
Cộng	235.524.990.828	160.330.109.627

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>261.692.490.205</i>	<i>239.613.404.132</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	143.035.733.214	125.576.720.072
Tập đoàn dệt may Việt Nam	1.410.555.300	-
Công ty cổ phần XTMM và ĐT Phong Phú	32.890.000	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	33.100.729.527	32.876.284.653
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	84.112.582.164	81.160.399.407
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>99.284.481.265</i>	<i>129.421.638.548</i>
Công ty TNHH SXTM Thành Vinh	22.005.880.000	38.541.830.000
Các nhà cung cấp khác	77.278.601.265	90.879.808.548
Cộng	360.976.971.470	369.035.042.680

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>6.231.529.704</i>	<i>11.178.817.236</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	6.231.529.704	11.178.817.236
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>17.937.260.046</i>	<i>19.432.993.607</i>
Cty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	7.974.682.146	9.470.415.707
Cộng	24.168.789.750	30.611.810.843

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	131.682.827	-	135.017.212	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	7.233.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	207.769.015	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	2.108.091.347	-	6.609.100.330	-
Thuế tài nguyên	28.999.799	-	25.199.999	-
Tiền thuê đất	3.503.490.833	-	1.848.484.092	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	5.772.264.806	207.769.015	8.617.801.633	215.002.954

18. Phải trả người lao động

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.174.395.918	1.483.888.665
Chi phí lãi vay	4.711.827.825	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.130.455.156	130.000.000
Cộng	8.016.678.899	1.613.888.665

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	44.022.819.586	7.106.444.570
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	2.132.264.014	2.106.444.570
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức	36.890.555.572	
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.989.822.122	16.783.977.208
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm	450.173.599	25.749.955
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.886.017.183	963.092.165
Lãi vay phải trả	22.724.741.314	14.885.491.314
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	928.890.026	909.643.774
Cộng	72.012.641.708	23.890.421.778

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư Phước Long - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Cộng	6.826.000.000	6.826.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	6.500.000.000
<i>Vay Tập đoàn dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾</i>		6.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	806.179.589.717	679.421.831.324
Vay ngắn hạn ngân hàng	805.400.923.787	674.592.102.070
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM</i>	79.209.470.256	155.694.076.455
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</i>	-	-
<i>Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC</i>	124.001.756.585	119.920.639.612
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	207.376.098.302	186.329.105.813
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	323.255.103.347	121.419.253.414
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam</i>	28.675.489.227	36.023.596.917
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín</i>	-	4.721.670.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội</i>	42.883.006.070	50.483.759.859
Vay dài hạn đến hạn	778.665.930	3.205.782.224
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		1.623.947.030
Cộng	806.179.589.717	685.921.831.324

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.199.241.724.866	1.206.577.458.473
- Vay dài hạn ngân hàng	111.948.348.147	120.511.978.618
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>		
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾</i>		18.293.351.566
<i>Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Quảng Nam Đà Nẵng ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)</i>	111.948.348.147	94.818.004.668
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ^(v)</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa ^(vi)</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vii)</i>	-	0

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín^(viii)</i>		1.954.689.264
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>		
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội^(viii)</i>		5.445.933.120
- Vay dài hạn các tổ chức khác(x)	623.524.758.707	623.524.758.708
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>	521.193.160.627	5,21193E+11
<i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi</i>	32.000.000.000	32.000.000.000
<i>Onshine Investment Limited</i>	70.331.598.080	70.331.598.080
- Vay dài hạn các cá nhân ^(x)	149.311.365.150	145.224.759.054
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	149.311.365.150	145.224.759.054
- Nợ thuê tài chính	457.252.862	3.315.962.093
<i>Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam</i>		2.858.709.230
<i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam</i>	457.252.862	457.252.863
- Trái phiếu thường dài hạn ^(xi)	314.000.000.000	314.000.000.000
Cộng	<u>1.199.241.724.866</u>	<u>1.206.577.458.473</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa PP	Cộng
1. Số dư đầu kỳ	733.505.810.000	32.368.276.001	293.991.397.568	255.669.433.507,00	1.315.534.917.076
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	38.639.976.920,00	38.639.976.920
Tăng từ kết quả kinh doanh				38.639.976.920,00	38.639.976.920
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	92.722.697.200,00	92.722.697.200
Phân phối lợi nhuận năm 2016 :				92.722.697.200,00	92.722.697.200
Trong đó :					
+ <i>Phân phối quỹ tại TCT</i>				4.702.000.000,00	4.702.000.000
+ <i>Thù lao HĐQT</i>					-
+ <i>Chia cổ tức năm 2016</i>				88.020.697.200,00	88.020.697.200
Phân phối lợi nhuận năm 2017 :					
+ <i>Tạm phân phối quỹ tại TCT</i>					-
+ <i>Thù lao HĐQT+BKS</i>					-
Giảm do phân phối lại LN					-
Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	733.505.810.000	32.368.276.001	293.991.397.568	201.586.713.227,00	1.261.452.196.796

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
Cộng	<u>733.505.810.000</u>	<u>733.505.810.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	222.237.386.930	251.664.275.163
Doanh thu bán các thành phẩm	365.013.259.518	375.973.862.933
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.933.926.687	16.066.860.109
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	6.724.431.354
Doanh thu trường mầm non	290.681.000	270.634.000
Cộng	<u>606.475.254.135</u>	<u>650.700.063.559</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Hàng bán bị trả lại		26.434.174
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>-</u>	<u>26.434.174</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	222.718.129.584	236.425.299.769
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	303.497.416.720	325.150.679.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.793.774.853	16.097.572.849
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	5.640.831.596
Giá vốn mầm non	225.824.130	213.532.408
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.276.651)	
Cộng	<u>542.003.868.636</u>	<u>583.527.916.016</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.802.553	53.944.728
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	-	241.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.200.000.000	35.386.805.555
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	596.516.859
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.721.239.108	321.015.123
Doanh thu tài chính khác	25.237.797	44.807.634
Cộng	<u>38.976.279.458</u>	<u>36.644.889.899</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Chi phí lãi vay	18.020.597.007	21.965.847.940
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	67.183.377	3.305.447.782
Lỗi chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập) / trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	482.608.249	844.913.250
	-	(5.200.000.000)
Chi phí tài chính khác	-	216.301
Cộng	<u>18.570.388.633</u>	<u>20.916.425.273</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	6.613.452.451	6.547.838.358
Chi phí vật liệu, bao bì	14.613.001	179.703.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.782.817	21.782.820
Chi phí vận chuyển	2.575.200.956	4.608.904.883
Chi phí khác	9.020.684.291	7.343.969.488
Cộng	<u>18.245.733.516</u>	<u>18.702.199.364</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Chi phí nhân viên	14.447.979.701	14.320.135.804
Chi phí nguyên vật liệu	1.127.639.870	862.136.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.062.632	557.713.770
Thuế, phí và lệ phí	1.841.270.603	1.180.829.138
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.492.823.671)
Chi phí khác	9.971.921.967	11.257.400.562
Cộng	<u>27.864.874.773</u>	<u>25.685.392.339</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	181.818.182
Thu bồi thường tiền hàng	-	126.433.048
Thu nhập khác	14.291.953	48.926.470
Cộng	<u>14.291.953</u>	<u>357.177.700</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm 2017</u>	<u>Quý 1 năm 2016</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	137.253.302	-
Chi phí khác	3.729.766	26.989.475
Cộng	<u>140.983.068</u>	<u>26.989.475</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2017



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc